

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Trinh và ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thu H, sinh năm 1990; Nơi ĐK HKTT: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; địa chỉ hiện nay: Nhật Bản, tỉnh Hokkaido ken, monbetsu gun, takioe chou, azza oshiraneppu genya kiat 1 sen 9 banchi. Chị Trần Thu H ủy quyền cho bà Trần Thị P, sinh năm 1959 (mẹ đẻ chị H); địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam giao nhận giấy tờ, tài liệu và văn bản tố tụng của Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2022). Đều vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1), sinh năm 1986; Nơi ĐKHKT: thôn 2, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; Hiện đang ở Nhật Bản không rõ địa chỉ cụ thể. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/8/2014 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L (là bố, mẹ đẻ anh Nguyễn Trọng S) tại thôn 2, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và cách sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hòa hợp, gia đình hai bên đã khuyên nhủ, hòa giải, vợ chồng cũng cố gắng tự hàn gắn nhưng không có kết quả; đến năm 2016 vợ chồng ly thân.

Năm 2017, chị H đi du học tại Nhật Bản; năm 2018 thì anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1) cùng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Khi ở Nhật Bản, anh chị không ở cùng nhau nhưng thời gian đầu thì thoảng có liên hệ để bàn chuyện ly hôn, anh S (S1) cũng nhất trí việc ly hôn nhưng khi chị hỏi anh Nguyễn Trọng S (S1) địa chỉ thì anh Nguyễn Trọng S (S1) không cung cấp cho chị với lý do anh S (S1) đang cư trú không hợp pháp nên không thể cung cấp địa chỉ cho chị H, sau này chị H và anh S (S1) không liên lạc với nhau nữa.

Anh Nguyễn Trọng S (S1) đi xuất khẩu lao động từ năm 2018 đến nay vẫn chưa lần nào về Việt Nam, hiện tại địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Trọng S (S1) ở Nhật Bản chị H không biết. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng S (S1).

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không có con nuôi, con riêng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Trần Văn T (là bố đẻ anh Nguyễn Trọng S) xác định: Anh Trần Văn S1, sinh năm 1986 có tên khác là Nguyễn Trọng S là do khi nhỏ anh S1 ở với ông bà ngoại, khi đi học lấy tên là Nguyễn Trọng S, do đó toàn bộ hồ sơ đi học, bằng tốt nghiệp cấp II, cấp III đều mang tên Nguyễn Trọng S. Khi anh Trần Trọng S không đi học nữa lấy tên khai sinh là Trần Văn S1 để làm Chứng minh nhân dân và khi kết hôn với chị Trần Thu H thì Giấy chứng nhận kết hôn mang tên là Trần Văn S1. Sau đó anh S1 xin đi làm, do hồ sơ đi học không khớp với Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân nên đã làm thủ tục điều chỉnh tên là Nguyễn Trọng S (Trần Văn S1) tại Sổ hộ khẩu; năm 2018, khi làm Căn cước công dân lấy theo Sổ hộ khẩu có tên là Nguyễn Trọng S, hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản có tên là Nguyễn Trọng S. Ông Trần Văn T xác định anh Nguyễn Trọng S, sinh ngày 26/02/1986 với anh Trần Văn S1, sinh ngày 26/02/1986 là con trai ông và là một người.

Về hôn nhân giữa chị Trần Thu H và anh Nguyễn Trọng S (S1): chị H và anh Nguyễn Trọng S (S1) kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc cùng với gia đình ông, giữa vợ chồng anh S, chị H không có mâu thuẫn gì lớn, không đánh cãi chửi nhau và chị H cũng không có mâu thuẫn gì với vợ chồng ông, tuy nhiên cưới nhau lâu mà vợ chồng chưa có con chung, kết quả thăm khám xác định anh S khó có con. Năm 2017, chị H đi du học tại Nhật Bản; năm 2018 anh Nguyễn

Trọng S (S1) cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Khi ở Nhật Bản vợ chồng anh chị có gặp nhau, có sống cùng nhau hay không gia đình ông không biết. Mẫu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị H ông không nắm được. Anh Nguyễn Trọng S (S1) đi xuất khẩu lao động từ năm 2018 cho đến nay chưa về Việt Nam lần nào, thỉnh thoảng có gọi zalo về hỏi thăm gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ, số điện thoại của anh S bên Nhật Bản, nên ông không cung cấp được địa chỉ, số điện thoại của anh S cho Tòa án. Nay chị H xin ly hôn anh Nguyễn Trọng S (S1) ông đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật. Về tài sản chung, riêng, công nợ của vợ chồng anh chị ông không nắm được; vợ chồng anh chị khi sống chung với gia đình ông không có đóng góp công sức, tài sản gì .

* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (nhưng không hòa giải được do vắng mặt chị H và anh S (tên gọi khác S1)

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28,37,38,47, 48, 195, 196, 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 52, Điều 56, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho ly hôn giữa chị Trần Thu H với anh Nguyễn Trọng S (tên gọi khác Trần Văn S1); về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thu H khi nộp đơn ly hôn đang ở Việt Nam nhưng sau đó sang Nhật Bản, anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1) đang ở Nhật Bản nhưng không có thông tin về địa chỉ nơi cư trú thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại công văn số 2096/QLXNC-P5 ngày 21/01/2022, của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện: Anh Nguyễn Trọng S, sinh ngày 26/02/1986 tại Hà Nam, căn cước công dân số 035089003505 khai địa chỉ tại xóm 2, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, có thông tin xuất cảnh ngày 01/12/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, bằng hộ chiếu C5569687 hiện chưa có thông tin nhập

cảnh. Chị H và ông Trần Văn T bổ đề anh Nguyễn Trọng S (S1) đều cung cấp anh Nguyễn Trọng S (S1) đang sống ở Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng cho anh S (S1) để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời đã 02 lần yêu cầu bổ đề anh Nguyễn Trọng S (S1) là ông Trần Văn T cung cấp địa chỉ cụ thể của S (S1) tại Nhật Bản và thông báo cho anh Nguyễn Trọng S (S1) biết để gửi lời khai về cho Tòa án.

Anh Nguyễn Trọng S (S1) không gửi bản tự khai, vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc *“Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ”* và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; do chị Trần Thu H sau khi nộp đơn khởi kiện cũng sang Nhật Bản nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Nguyễn Trọng S (S1) theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với việc giải quyết vụ án, thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H với anh Nguyễn Trọng S (S1) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/8/2014 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị H do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2017 chị H đi du học tại Nhật Bản; năm 2018 anh Nguyễn Trọng S (S1) cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1). Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn với anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: chị H xác định vợ chồng không có con chung, con riêng và con nuôi nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, riêng, công nợ và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1) đang ở Nhật Bản không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1), chị H phát sinh tranh chấp về tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thu H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38, Điều 47, Điều 48, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 476, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thu H với anh Nguyễn Trọng S (tên khác Trần Văn S1).

2. Về con chung; chị H, anh S (S1) không có con chung, con riêng, con nuôi và không đề nghị nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng và các vấn đề khác: Chị Trần Thu H không đề nghị nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Trường hợp anh Nguyễn Trọng S (S1) có tranh chấp về tài sản chung, riêng, công nợ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thu H phải nộp 300.000đ (Ghi nhận việc chị Trần Thu H tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị H (do bà P nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001476 ngày 23/02/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Trần Thu H, anh Nguyễn Trọng S (tên gọi khác Trần Văn S1) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng